# STORE MANAGER SPECIFICATION

## MÃ MÀN HÌNH: SCR\_STORE\_MGR

## PHIÊN BẢN: 1.0

## NGÀY PHÁT HÀNH: 2025-11-23

## 1. MỤC TIÊU VÀ ĐỐI TƯỢNG

### 1.1. Mục Tiêu

Xây dựng một giao diện tập trung, cho phép người dùng quản lý danh sách các cửa hàng (Store Entity) một cách hiệu quả, trực quan và nhanh chóng.

### 1.2. Phân Quyền Truy Cập (User Role Matrix)

| **Vai Trò Người Dùng** | **Quyền Hạn Xem** | **Quyền Hạn Thao Tác (Thêm/Sửa/Xóa)** |
| --- | --- | --- |
| **Admin/Quản lý cấp cao** | Toàn bộ danh sách cửa hàng. | Toàn quyền (Thêm, Sửa, Xóa). |
| **Quản lý khu vực/Cửa hàng trưởng** | Chỉ các cửa hàng được phân công. | Chỉ được phép **XEM**. Không được Thêm/Sửa/Xóa. |

## 2. CẤU TRÚC DỮ LIỆU CỬA HÀNG (STORE ENTITY)

| **ID** | **Field Name** | **Data Type** | **Ràng Buộc (Validation)** | **Ghi Chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **S01** | Store ID | String (MAX 10) | Primary Key. Bắt buộc, **Không được trùng lặp**. Read-only khi chỉnh sửa. | Mã định danh duy nhất của cửa hàng. |
| **S02** | Store Name | String (MAX 150) | Bắt buộc. | Tên gọi đầy đủ của cửa hàng. |
| **S03** | Address | Text (MAX 300) | Tùy chọn. | Địa chỉ vật lý. |
| **S04** | Status | Enum (Integer) | Bắt buộc. Values: 1: Đang hoạt động, 2: Tạm ngưng. | Trạng thái hoạt động. |
| **S05** | Assigned User IDs | Array of String | Tùy chọn. | Danh sách User ID của Cửa hàng trưởng/Người phụ trách. |

## 3. THIẾT KẾ MÀN HÌNH CHÍNH (STORE LIST)

### 3.1. Bảng Danh Sách Cửa Hàng

Bảng phải hiển thị thông tin cửa hàng theo phân quyền (Mục 1.2).

| **Cột ID** | **Field Name** | **Dữ liệu nguồn** | **Định dạng / Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| **C1** | STT | N/A | Số thứ tự trong trang hiện tại. |
| **C2** | Mã CH | S01 | Sortable. |
| **C3** | Tên Cửa Hàng | S02 | Sortable. |
| **C4** | Địa Chỉ | S03 |  |
| **C5** | Trạng Thái | S04 | **Sử dụng Chip màu:** Xanh lá cho "Đang hoạt động" (Status 1), Xám cho "Tạm ngưng" (Status 2). |
| **C6** | Hành Động | N/A | Chứa 2 nút: "Chỉnh sửa" và "Xóa". |

### 3.2. Khu vực Chức năng & Phân trang

| **ID** | **Component** | **Vị trí** | **Chức năng** |
| --- | --- | --- | --- |
| **T01** | Nút "Thêm Cửa Hàng Mới" | Top Right | Chỉ hiển thị cho **Admin/Quản lý cấp cao**. Mở Modal M01. |
| **P01** | Phân trang (Pagination) | Bottom | Hiển thị tối đa **10 hàng/trang**. Phải có các điều hướng: Đầu, Trước, Sau, Cuối. |
| **P02** | Thông tin tóm tắt | Bottom | Hiển thị: "Hiển thị từ [X] đến [Y] trong tổng số [Z] cửa hàng". |

## 4. LUỒNG NGHIỆP VỤ & TƯƠNG TÁC (WORKFLOW)

### 4.1. Chức năng "Thêm Cửa hàng mới" (Trigger T01)

| **ID** | **Field Name** | **Control Type** | **Ràng Buộc** |
| --- | --- | --- | --- |
| **M01-F1** | Mã Cửa Hàng | Input Text | **Bắt buộc**. Kiểm tra **Unique** (không trùng S01). |
| **M01-F2** | Tên Cửa Hàng | Input Text | **Bắt buộc**. |
| **M01-F3** | Địa Chỉ | Textarea | Tùy chọn. |
| **M01-F4** | Trạng Thái | Dropdown Select | **Bắt buộc**. Default: "Đang hoạt động" (Status 1). |

Nút: "Lưu" (Kích hoạt khi F1, F2, F4 hợp lệ) và "Hủy".

Hành động thành công: Thêm Store Entity mới vào hệ thống.

### 4.2. Chức năng "Chỉnh sửa Cửa hàng" (Trigger C6)

* **Modal:** Sử dụng lại Modal M01.
* **Điền sẵn:** Tất cả trường (F1, F2, F3, F4) phải được điền sẵn dữ liệu hiện tại.
* **Ràng buộc đặc biệt:** Trường **Mã Cửa Hàng (M01-F1)** phải được hiển thị ở chế độ **Read-only** (Không cho phép chỉnh sửa).
* **Nút:** Đổi tên thành "Cập nhật" và "Hủy".

### 4.3. Chức năng "Xóa Cửa hàng" (Trigger C6)

**Hộp thoại xác nhận (Custom Modal - KHÔNG dùng alert()):**

* **Tiêu đề:** Xác nhận Xóa Cửa hàng
* **Nội dung:** "Bạn có chắc chắn muốn xóa cửa hàng **[S02]** không? Hành động này không thể hoàn tác."
* **Nút:** "Xác nhận" (Màu đỏ) và "Hủy" (Màu xám).
* **Hành động thành công:** Xóa Store Entity khỏi hệ thống.

## 5. YÊU CẦU PHI CHỨC NĂNG (NON-FUNCTIONAL)

| **Yêu cầu** | **Mô tả kỹ thuật** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- |
| **Tính Tức thời (Real-time)** | Mọi thao tác CRUD (Tạo, Sửa, Xóa) phải được cập nhật ngay lập tức trên màn hình của tất cả người dùng đang xem qua cơ chế **Real-time Listener** (Ví dụ: Firestore onSnapshot). | Bắt buộc đối với UX hiện đại. |
| **Thông báo UX** | Sau mỗi hành động (Thêm/Sửa/Xóa thành công), phải hiển thị một thông báo **Toast** ngắn gọn (Ví dụ: "Đã xóa cửa hàng [S02] thành công"). | Không sử dụng alert() hoặc confirm(). |
| **Xử lý lỗi** | Trong trường hợp lỗi kết nối hoặc tải dữ liệu, hiển thị thông báo lỗi thân thiện thay vì màn hình trắng, ngay tại khu vực bảng dữ liệu. |  |